

Số: **1865**/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **11** tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

Căn cứ Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2264/TTr-STNMT-TNNKS ngày 24 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các sở ngành: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tư pháp; Sở Công thương; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa và Thể thao; Cục thuế Thành phố; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố; Công an Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng ĐT, KT, DA, NCPC;
- Lưu: VT, (ĐT-HĐT) 5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Xuân Cường



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 11.tháng.5...năm 2023
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

MỞ ĐẦU

Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 2.061,04 km²; phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và Tiền Giang. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh đã kéo theo nhu cầu sử dụng vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng của Thành phố cũng tăng mạnh. Trong thời gian qua, cùng với chủ trương hạn chế khai thác khoáng sản, tăng cường kiểm soát đối với việc cấp phép khai thác cát san lấp, cát xây dựng của Chính phủ nói chung và các tỉnh phía Nam nói riêng trong khi nhu cầu càng cao nên tình hình khai thác khoáng sản trái phép diễn ra có sự gia tăng đáng kể.

Nhằm đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ hiệu quả tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố; ngăn chặn, xử lý các hoạt động khảo sát, khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản; cụ thể hóa công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Thành phố. Thực hiện quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Luật Khoáng sản và Điều 17, Điều 18 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết

Thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản đã được các cấp, ngành quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, tạo chuyển biến tích cực rõ nét. Hoạt động khoáng sản đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế chung của Thành phố, đáp ứng nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình trọng điểm, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới, phục vụ dân sinh, góp phần tăng ngân sách của Thành phố, giải quyết việc làm. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đã được các cơ quan chức năng quan tâm thực hiện nên tình trạng khai thác khoáng sản trái phép cơ bản từng bước được kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên, hoạt động khai thác khoáng sản trái phép đối với một số loại khoáng sản ở một số khu vực

vẫn còn tái diễn và tiềm ẩn nguy cơ tái phát.

Tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 18 Luật Khoáng sản nêu trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:

“a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản để thi hành pháp luật về khoáng sản tại địa phương;

c) Tổ chức bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;”

Tại điểm a, khoản 1 Điều 17 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Khoáng sản có nêu: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất kế hoạch; giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương theo định mức chi ngân sách do Bộ Tài chính hướng dẫn”*.

Ngoài ra, nhằm thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản. Tại mục 10 của Chỉ thị có nêu: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *“a) Chỉ đạo rà soát quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền đã phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019 để xây dựng nội dung Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn trong quy hoạch tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch”*.

Như vậy, để thống nhất, phối hợp đồng bộ giữa các Sở ngành, các đơn vị có liên quan nâng cao trách nhiệm quản lý trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố; kịp thời ngăn chặn dứt điểm tình trạng khai thác khoáng sản trái phép nên việc xây dựng Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết.

2. Mục tiêu

- Kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh, thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố.

- Ngăn chặn các hoạt động nạo vét, khai thác trái phép khoáng sản, kiểm tra xử lý việc kinh doanh vận chuyển khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp. Qua đó chấn chỉnh và đề xuất xử lý những hành vi vi phạm trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố.

3. Cơ sở xây dựng phương án

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010, tại khoản 1 Điều 18 có nêu: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có*

trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền hoặc hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản để thi hành pháp luật về khoáng sản tại địa phương”;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, tại điều 17 có nêu: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất kế hoạch; giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương theo định mức chi ngân sách do Bộ Tài chính hướng dẫn*”;
- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;
- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
- Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;
- Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông báo kết luận số 142/TB-VPCP ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo 138/CP về tình hình vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát tại các địa phương.
- Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 01 năm 2015 về Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

II. TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN, THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN VÀ NHỮNG TỒN TẠI HẠN CHẾ

1. Tiềm năng khoáng sản trên địa bàn Thành phố

Theo Quyết định phê duyệt số 430/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2013

của Ủy ban nhân dân Thành phố về khai thác và sử dụng khoáng sản rắn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có các loại khoáng sản được điều tra, phát hiện; chưa điều tra, phát hiện, cấp phép thăm dò khoáng sản thống kê cụ thể như sau: đá xây dựng, sét gạch ngói, sét keramzit, laterit san lấp, kaolin, cuội sỏi, cát xây dựng, cát xây dựng lòng sông và cát san lấp (*Phụ lục 01 đính kèm*).

- Về cát san lấp: Quá trình khảo sát cát lòng sông đã xác định được các điểm mỏ cát san lấp vùng 2 sông Đồng Tranh, với trữ lượng cấp 333 là 670.000m³. Bên cạnh đó, trên vùng biển Cần Giờ có trữ lượng cát san lấp rất lớn, tuy nhiên chỉ mới cho phép thăm dò 13 mỏ với diện tích 13km², kết quả thăm dò phê duyệt trữ lượng của 13 mỏ là 39,47 triệu m³. Như vậy, phần lớn diện tích còn lại chưa được khảo sát thăm dò, đây là đối tượng cần phải đánh giá nhằm xác định tổng trữ lượng để phục vụ công tác lập kế hoạch khai thác, đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong thời gian tới.

2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản

Theo quy hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản rắn trên địa bàn Thành phố đã được phê duyệt, quan điểm, chủ trương chung của Ủy ban nhân dân Thành phố trong giai đoạn hiện nay là không cấp khai thác tài nguyên khoáng sản (Quy hoạch cấm, tạm cấm và trữ trữ khoáng sản rắn trên địa bàn Thành phố) và chỉ xem xét cấp phép khai thác khoáng sản để phục vụ các công trình trọng điểm của Thành phố (đối với các dự án này phải có sự chấp thuận về chủ trương của Thành ủy). Vì vậy, công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trong thời gian qua chủ yếu tập trung vào việc rà soát, đề xuất bổ sung, chỉnh sửa các quy định pháp luật cho phù hợp với thực tiễn, thanh kiểm tra bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án nạo vét có kết hợp tận thu khoáng sản trên địa bàn Thành phố và triển khai công tác tuyên truyền pháp luật về khoáng sản.

3. Công tác ban hành văn bản

Trên cơ sở triển khai nội dung quy hoạch, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở ngành tổ chức thực hiện các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa tình trạng khai thác cát trái phép trên địa bàn Thành phố, cụ thể:

- Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 4804/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 về thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống khai thác, kinh doanh, vận chuyển khoáng sản trái phép và Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 về ban hành Quy chế hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống khai thác, kinh doanh, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Công văn số 945/UBND-ĐTMT ngày 09 tháng 3 năm 2016 về kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố;
- Công văn số 3666/UBND-ĐTMT ngày 12 tháng 7 năm 2016 về tăng cường giám sát việc thực hiện các dự án nạo vét, duy tu luồng đường thủy nội địa kết hợp tận thu cát trên địa bàn Thành phố;
- Quy chế phối hợp số 37/QCPH-TPHCM-BRVT-ĐN-BD-TN-LA-TG-BP-LĐ ngày 06 tháng 01 năm 2017 về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh địa giới hành chính giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bình Phước, Lâm Đồng;
- Công văn số 7175/UBND-ĐT ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân Thành phố về tăng cường kiểm tra, ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn Thành phố;
- Quy chế phối hợp số 132/QCPH-BGTVT-UBNDTPHCM ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa Bộ Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các dự án xã hội hóa nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên địa phận Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 1184/UBND-ĐT ngày ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chỉ đạo đẩy mạnh công tác phòng, chống khai thác cát trái phép trên địa bàn Thành phố trong thời gian tới;
- Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành Đề án Phòng, chống khai thác cát trái phép trên vùng biển Cần Giờ và vùng giáp ranh giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh.

4. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật được các cơ quan báo chí Thành phố tuyên truyền trên báo đài, nhiều tuyên tin, bài, phóng sự, ... ghi nhận sự nỗ lực quyết liệt của các cơ quan chức năng trong việc phòng, chống nạn khai thác cát trái phép. Ngoài ra, các cuộc phối hợp liên ngành của các lực lượng chức năng trong công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm của các bến thủy, phương tiện liên quan đến vận chuyển, bơm hút cát trái phép.

5. Công tác cấp phép hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản.

Từ năm 2007 đến nay, tình hình cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố đã cấp 09 Giấy phép thăm dò khoáng sản và 08 Giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó: 03 Giấy phép khai thác, 05 Giấy phép gia hạn. Tuy nhiên đến nay chỉ có 01 đơn vị khai thác cát san lấp nhưng đã ngưng khai thác từ năm 2012.

6. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố

Trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn trong các năm qua, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép bằng nhiều hình thức như thành lập tổ công tác, công bố số điện thoại đường dây nóng để tổ chức, cá nhân biết, phản ánh mọi thông tin về tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn,...

Đồng thời, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị chỉ đạo đẩy mạnh công tác phòng, chống khai thác cát trái phép trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua. Đặc biệt là Công văn số 945/UBND-ĐTMT ngày 09 tháng 3 năm 2016 về kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố và Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành Đề án Phòng chống khai thác cát trái phép trên vùng biển Cần Giờ và vùng giáp ranh giữa Thành phố với các tỉnh.

Riêng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển khoáng sản, nhất là cát tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận tình hình vẫn đang diễn biến phức tạp. Nguyên nhân do nhu cầu sử dụng cát lớn nhưng tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện chưa có chủ trương cấp mở khai thác cát dẫn đến nhu cầu khan hiếm, giá cao, các đối tượng lợi dụng địa bàn giáp ranh, đêm khuya, lực lượng đấu tranh bố trí mỏng để đưa nhân công và các phương tiện tổ chức khai thác cát trái phép gây sạt lở đất, rừng, ô nhiễm môi trường, bức xúc quần chúng nhân dân, thất thoát tài nguyên của Nhà nước.

Do đó, để nâng cao hiệu quả bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh dần đi vào nề nếp, hạn chế các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, cần tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép phức tạp tại địa bàn, lĩnh vực phụ trách. Trong đó, nổi bật là trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý bảo vệ môi trường, cấp phép khai thác khoáng sản; cơ quan quản lý giao thông vận tải đường thủy nội địa, hàng hải; cơ quan đấu tranh phòng, chống khai thác cát trái phép và chính quyền địa phương.

7. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

7.1. Những tồn tại, hạn chế

- Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản còn hạn chế, chưa thật sự hiệu quả.

- Hoạt động khai thác khoáng sản cát trái phép vẫn còn diễn ra trên sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Soài Rạp, sông Lòng Tàu, sông Đồng Tranh và khu vực biển Cần Giờ.

- Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép có lúc chưa kịp thời.

7.2. Nguyên nhân

- Nhu cầu khoáng sản cung cấp cho Thành phố rất lớn trong khi nhiều tỉnh, thành hạn chế cấp phép khai thác khoáng sản và vật liệu thay thế khoáng sản thông thường chưa đủ đáp ứng nhu cầu.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản chưa được thường xuyên, hình thức tuyên truyền chưa đa dạng.

- Các vi phạm trong khai thác cát thường xảy ra vào ban đêm, thời điểm mà lực lượng chức năng khó giám sát, kiểm tra, tiếp cận các phương tiện vi phạm và địa điểm vi phạm lại thường nằm giáp ranh giữa các tỉnh.

- Hoạt động của các đối tượng khai thác khoáng sản trái phép luôn có người cảnh giới ở các trạm, chốt, khi triển khai lực lượng, phương tiện tuần tra dễ bị các đối tượng phát hiện và thông báo cho các phương tiện đang hút cát để chạy trốn. Riêng khu vực biển Cần Giờ thời tiết, khí hậu thay đổi thất thường theo mùa, phương tiện của đơn vị tàu lực lượng kiểm tra chạy ra đến khu vực khai thác cát trái phép mất nhiều thời gian vì vậy ảnh hưởng nào đến kết quả đấu tranh bắt giữ.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp, địa phương và các tỉnh giáp ranh trong công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động khai thác khoáng sản cát sông còn thiếu chặt chẽ.

III. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, DIỆN TÍCH, TỌA ĐỘ CÁC KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐANG HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC CẤP PHÉP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ; CÁC KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, CÁC KHU VỰC TẠM CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN ĐÃ PHÊ DUYỆT

1. Các khu vực thăm dò khoáng sản

Ngày 25 tháng 01 năm 2013, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND về phê duyệt Quy hoạch khoáng sản rắn trên địa bàn Thành phố, có hiệu lực đến năm 2020 và hiện tại chưa thể triển khai quy hoạch mới hoặc điều chỉnh quy hoạch theo quy định do vướng Luật Quy hoạch và chờ Quy hoạch khoáng sản quốc gia.

2. Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, các khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã phê duyệt

Theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 23/03/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quy hoạch sử dụng khoáng sản rắn trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, tất cả các loại khoáng sản rắn làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn Thành phố đều đưa vào diện cấm và tạm cấm khai thác, trong đó: *(Phụ lục 02 đính kèm)*

Trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh có 120 khu vực nằm trong 67 mỏ - điểm khoáng sản thuộc 8 loại hình khoáng sản được khoanh định vào diện cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản. Tổng diện tích các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản các khu vực trên lên đến 9.870,46 ha, cụ thể theo từng loại như sau:

- Đá xây dựng: 5 tiểu khu với tổng diện tích cấm là: 278,63 ha.
- Sét gạch ngói: 50 tiểu khu với tổng diện tích cấm là: 4.113,06 ha
- Sét hỗn hợp: 19 tiểu khu với tổng diện tích cấm là: 2480,12 ha
- Cuội sỏi cát xây dựng: 8 tiểu khu với tổng diện tích cấm là: 538,32 ha
- Cát xây dựng: 6 tiểu khu với tổng diện tích cấm là: 28,79 ha
- Laterit san lấp: 7 tiểu khu với tổng diện tích cấm là: 1.615,98 ha
- Than bùn: 16 tiểu khu với tổng diện tích cấm là: 379,76 ha
- Kaolin: 09 tiểu khu với tổng diện tích cấm là: 435,80 ha

Các thông số về từng chủng loại khoáng sản được khoanh định vào diện cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản được phân theo địa điểm phân bố (xã, huyện), số liệu cụ thể được liệt kê trong Bảng số 2 (phụ lục đính kèm).

IV. THÔNG TIN QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

1. Thông tin quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương

- Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng không sản là vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

- Quyết định số 242/TQL-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Thông tin quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn Thành phố theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2013 về quy hoạch dụng khoáng sản rắn trên địa bàn Thành phố đến năm 2020.

2. Đối tượng khoáng sản chưa khai thác cần bảo vệ

2.1. Khu vực đã cấp phép thăm dò

Khu vực đã được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản: 09 khu vực của 09 Giấy phép tại biển Cần Giờ.

2.2. Khu vực đã cấp phép khai thác

Ủy ban nhân dân Thành phố đã cấp 8 Giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó: 03 Giấy phép khai thác, 05 Giấy phép gia hạn. Tuy nhiên đến nay chỉ có 01 đơn vị khai thác cát san lấp nhưng đã ngưng khai thác từ năm 2012 (Phụ

lục 03 đính kèm).

2.3. Khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh có 117 khu vực nằm trong 62 mỏ - điểm khoáng sản thuộc 8 loại hình khoáng sản được khoanh định Theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố đều đưa vào diện cấm khai thác.

V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, xây dựng Kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố (bao gồm trên đất liền và trên các tuyến sông, biển Cần Giờ và tuyến sông giáp ranh giữa các tỉnh);

b) Chủ trì thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về tài nguyên khoáng sản và hoạt động bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố. Giải quyết hoặc phối hợp với các sở, ngành và cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo thẩm quyền.

c) Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, công bố các Quy hoạch khoáng sản (nếu có). Thiết lập đường dây điện thoại nóng của các Sở ngành để cập nhật thông tin và phối hợp với các cơ quan chức năng trong Thành phố và các tỉnh để kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật khoáng sản và thực hiện theo Quy chế phối hợp đã ký với các tỉnh giáp ranh.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, các quận, huyện trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về quy định pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản.

e) Định kỳ hàng năm, tổng hợp báo cáo về công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn với Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn Thành phố; tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất, kinh doanh khoáng sản, các điểm khai thác, vận chuyển, chế biến, các bãi tập kết, mua bán khoáng sản nhằm phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng sản xuất, kinh doanh khoáng sản trái phép.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành liên quan và chính quyền địa phương kiểm tra, thanh tra hoạt động khoáng sản trái phép và đề xuất biện pháp xử lý.

3. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, tổ chức có liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên.

b) Thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phối hợp, rà soát nguồn cung và nhu cầu sử dụng cát xây dựng, đề xuất đẩy mạnh các giải pháp tăng cường cung cấp, sử dụng vật liệu có sẵn thay thế cát tự nhiên.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành có liên quan trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với khu vực nằm trong hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi, đê điều.

b) Phối hợp với sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện tăng cường kiểm tra các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai và tập trung các khu vực xung yếu có nguy cơ sạt lở bờ sông, báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

5. Sở Giao thông Vận tải

a) Phối hợp với Sở, ngành liên quan quản lý các phương tiện khai thác cát trên các tuyến luồng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định (về an toàn vận tải đường thủy nội địa; việc đăng ký, đăng kiểm phương tiện khai thác, việc đăng ký số lượng, chủng loại,...)

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, lập danh sách các bến thủy nội địa chưa được công bố, cấp phép hoạt động trên địa bàn Thành phố gửi Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận - huyện xử lý theo thẩm quyền.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, rà soát đánh giá việc triển khai các dự án nạo vét, duy tu, khơi thông luồng lạch các tuyến luồng đường thủy nội địa (nếu có vi phạm) thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đình chỉ các đơn vị lợi dụng việc thi công nạo vét các tuyến luồng đường thủy nội địa để khai thác cát trái phép.

6. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức

và các đơn vị liên quan thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác nằm trong khu vực bảo vệ di tích thuộc các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các công trình, địa điểm thuộc Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn Thành phố; khi phát hiện có hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trong khu vực bảo vệ di tích, phối hợp với các đơn vị liên quan để kịp thời xử lý theo quy định.

7. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí tổ chức triển khai Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan và các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan báo chí, thông tin truyền thông nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về khoáng sản, các quy định về xử lý đối với hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các đơn vị có liên quan liên quan để đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố về nguồn vốn; khả năng cân đối vốn đối với các công trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách Thành phố theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

10. Cục thuế Thành phố

Tăng cường công tác quản lý thu thuế; thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản có hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý về thuế đối với hành vi khai thác, tàng trữ, kinh doanh khoáng sản trái phép theo quy định pháp luật.

11. Công an Thành phố

a) Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với khu vực nằm trong phạm vi thuộc đất dành riêng cho an ninh, khu vực quy hoạch đất an ninh.

b) Tăng cường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức kiểm tra, tuần tra ngăn chặn hiệu quả các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động thăm dò, khai thác, buôn bán, vận chuyển khoáng sản trái phép.

c) Chỉ đạo các lực lượng trực thuộc tham gia phối hợp, hỗ trợ kịp thời xử lý hoạt động khoáng sản trái phép theo quy định của pháp luật.

d) Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản, chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái

phép phức tạp tại địa bàn, lĩnh vực phụ trách. Trong đó, nổi bật là trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý bảo vệ môi trường, cấp phép khai thác khoáng sản; cơ quan quản lý giao thông vận tải đường thủy nội địa, hàng hải; cơ quan đấu tranh phòng, chống khai thác cát trái phép và chính quyền địa phương.

12. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố

a) Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với khu vực nằm trong phạm vi thuộc đất dành riêng cho quốc phòng, khu vực quy hoạch đất quốc phòng hoặc hoạt động khoáng sản có thể gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, được khoanh định vào khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản.

b) Chủ trì, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trên địa bàn Thành phố phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng liên quan thực hiện tốt công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố; phát hiện, đấu tranh và phối hợp xử lý nghiêm hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép tại khu vực có liên quan thuộc phạm vi quản lý;

c) Tăng cường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận huyện kiểm tra, tuân tra ngăn chặn hiệu quả các hoạt động khai thác khoáng sản chưa khai thác; Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động thăm dò, khai thác, buôn bán, vận chuyển khoáng sản trái phép..

d) Chỉ đạo các lực lượng trực thuộc tham gia phối hợp, hỗ trợ kịp thời xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép theo quy định.

13. Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức

a) Chủ trì, phổ biến và triển khai Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản trên địa bàn quản lý;

b) Thành lập lực lượng thường trực, lập đường dây nóng, phân công lãnh đạo và cán bộ chuyên môn phụ trách địa bàn cấp xã đảm bảo việc tiếp nhận thông tin liên lạc thông suốt 24/24 giờ, để kịp thời xử lý hoặc phối hợp xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn quận, huyện;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Tổ chức lực lượng tiến hành giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép ngay sau khi phát hiện hoặc nhận được tin báo;

d) Tổ chức ký quy chế phối hợp bảo vệ khoáng sản đối với vùng giáp ranh thuộc địa giới hành chính từ 02 huyện trở lên (đối với khu vực có khoáng sản), làm cơ sở để phối hợp trong công tác kiểm tra, xử lý hoạt động khoáng sản trái phép, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý khoáng sản;

e) Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các Sở, ngành liên quan trong quá trình các Sở ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn hoặc các

nhiệm vụ định kỳ, đột xuất;

f) Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện: Chủ động cân đối ngân sách địa phương tổ chức triển khai Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn theo phân cấp ngân sách hiện hành.

g) Đối với Ủy ban nhân dân các quận: Chủ động sử dụng dự toán kinh phí điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tổ chức triển khai Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn”.

h) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép mà không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài hoặc nhận được thông tin phản ánh về khai thác khoáng sản trái phép đang diễn ra nhưng không có biện pháp giải quyết hoặc cố tình chậm trễ trong việc kiểm tra xử lý;

14. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản đến thôn, xóm; vận động nhân dân địa phương không khai thác, thu mua, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép, phát hiện và tố giác tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trái phép;

b) Kịp thời xử lý nghiêm các hành vi: tạo dựng bến bãi; đào hầm, hào, hố phục vụ cho hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; tập kết khoáng sản trái phép; sử dụng công cụ, phương tiện máy móc để khai thác khoáng sản trái phép;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nếu để hoạt động khoáng sản trái phép kéo dài trên địa bàn quản lý, gây bức xúc trong dư luận, tác động xấu đến cảnh quan môi trường, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và đời sống của người dân địa phương phải nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với cán bộ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Trường hợp phát hiện cán bộ, công chức bao che, tiếp tay cho hoạt động khoáng sản trái phép; thỏa thuận, cho phép các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trái pháp luật phải xử lý, kỷ luật.

15. Đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật khoáng sản; phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; chấp hành nghiêm công tác kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng chức năng. Chỉ được phép khai thác khoáng sản trong khu vực mỏ đã được cấp phép; thực hiện báo cáo đúng sản lượng khai thác khoáng sản theo quy định; đăng ký số lượng phương tiện, số hiệu phương tiện, số giờ khai thác trong ngày, vị trí khai thác, công suất khai thác theo từng ngày, tháng và số điện thoại liên lạc của thuyền trưởng, máy trưởng với cơ quan quản lý (Sở Tài nguyên và Môi trường); thực hiện đầy đủ việc cắm phao tiêu, biển báo ranh giới mỏ đã được cấp phép; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

VI. TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP GIỮA CÁC SỞ, NGÀNH CÓ LIÊN QUAN TRONG VIỆC CUNG CẤP, XỬ LÝ THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TRÁI PHÉP

Các cơ quan, đơn vị đã nêu tại mục V, trong phạm vi chức năng quản lý, kịp thời phát hiện, cung cấp thông tin và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Sở Tài nguyên và Môi trường bảo vệ các khu vực khoáng sản chưa được cấp phép khai thác.

VII. KẾ HOẠCH, CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN; KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kế hoạch và các giải pháp thực hiện

1.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương kiểm tra việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn toàn Thành phố theo Phương án đã được phê duyệt.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về tổng kết, đánh giá công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố và đưa vào báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản hàng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

1.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Căn cứ Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác hàng năm phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Chỉ đạo các phòng, ban chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiêm túc phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương; phối hợp tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm về khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố các trường hợp vượt thẩm quyền, khai thác khoáng sản trái phép tại vùng giáp ranh các địa phương lân cận.

- Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, báo cáo tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

1.3. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động khoáng sản trên địa bàn. Khi phát hiện hoặc ngay sau khi tiếp nhận thông tin phản ánh hoặc khi nhận được thông tin chỉ đạo từ cơ quan cấp trên về hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm theo quy

định; trường hợp vượt thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý.

- Định kỳ 06 tháng, báo cáo tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.4. Các sở, ban, ngành

Theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện nghiêm túc Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố.

2. Kinh phí và tổ chức thực hiện

2.1. Kinh phí thực hiện

Hàng năm (cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước), các cơ quan, gồm:

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố

Tổng hợp, lập dự toán chi nhiệm vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2.3. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện có trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi cho nhiệm vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác gửi Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, tổng hợp gửi Sở Tài chính cân đối ngân sách trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Tổ chức thực hiện

a) Yêu cầu Thủ trưởng các sở ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Quận, huyện, cấp xã thực hiện nghiêm túc theo nội dung Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố.

b) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố.

c) Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các sở ngành, địa phương báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế./.

Phụ lục 01
BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC CÓ KHOÁNG SẢN TIỀM NĂNG
(Kèm theo Quyết định số 1865 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP		Tiềm năng Dự báo
				DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BÁO	
I	ĐÁ XÂY DỰNG (m ³)			278,63	195.758.346	Điểm khoáng sản
1	Long Bình 1	Long Bình	Thủ Đức (Quận 9 cũ)	16,08	10.530.326	
2	Long Bình 2			32,41	22.690.305	
3	Long Bình 3			13,95	9.486.583	
4	Long Bình 4			209,47	152.916.712	
5	NT Quận 1	Thạnh An	Cần Giờ	6,72	134.420	
II	SÉT GẠCH NGÓI (m ³)			4.113,06	118.238.342	Điểm khoáng sản
1	Sóc Trầm (Đồng Ông Cơ)	An Phú	Củ Chi	72,35	2.749.460	
2	Rạch Sơn	An Nhơn Tây		37,4	1.122.189	
		Nhuận Đức		35,5	1.065.018	
				5,13	153.956	
3	Rạch Sơn-Bàu Trăn	An Nhơn Tây		125,5	1.255.093	
		Nhuận Đức		125,5	3.765.000	
4	Phú Hợp-Bàu Cạp (Trại giống cây trồng Đồng Tiến 2)	Phạm Văn Cội		2,4	112.800	
				85,31	4.009.100	
				2,39	112.330	
5	Bàu Điều	Trung Lập Hạ		84,13	5.468.450	
		Phước Thạnh				
6	Tân Quy 1	Tân Thạnh Đông		33,24	797.760	
7	Thái Mỹ 1	Thái Mỹ		418,45	7.824.997	
8	Thái Mỹ 2			246,15	1.920.013	
9	Tân Quy 2	Trung An		296,25	7.110.121	

STT	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP		Tiềm năng Dự báo
				DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BÁO	
		Tân Thạnh Đông		503,86	24.689.140	
	CỘNG HUYỆN CỬ CHI			2.073,56	62.155.427	Điểm khoáng sản
10	Nhị Bình	Nhị Bình	Hóc Môn	394,06	11.822.077	
11	Đông Thạnh	Tân Hiệp		181,01	7.204.254	
12	Tân Thới Nhi	Tân Thới Nhi		24,07	132.384	
				52,39	523.931	
				131,69	1.316.971	
13	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Hiệp		149,82	1.273.470	
	CỘNG HUYỆN HÓC MÔN			933,04	22.273.087	Điểm khoáng sản
14	Vĩnh Lộc	Vĩnh Lộc	Bình Chánh	45,65	629.970	
				220,13	8.585.070	
				294,95	14.157.600	
15	Láng Le 1	Bình Lợi		10,96	197.280	
				10,71	192.780	
				10,75	193.500	
				10,84	195.120	
				10,81	194.580	
				10,95	197.100	
				11,1	199.800	
16	Láng Le 2	Bình Lợi		3,68	66.240	
				53,98	863.680	
				1,38	22.080	
17	Tân Túc 1	Tân Túc		1,09	17.440	
				22,69	422.034	
18	Bình Giáp 1	Hung Long		103,96	1.933.656	
				10,67	213.400	
				3,03	60.600	
				2,31	46.200	
				6,38	127.600	
				2,17	43.400	
				4,54	90.800	
				8,89	177.800	
26,18	523.600					

STT	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP		Tiềm năng Dự báo
				DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BÁO	
19	Bình Giáp 2	Quy Đức		38,21	917.040	
				58,06	870.900	
				2,63	39.450	
				0,52	7.800	
CỘNG HUYỆN BÌNH CHÁNH				987,22	31.186.520	Điểm khoáng sản
20	Linh Xuân	Linh Xuân	Thủ Đức	119,24	2.623.308	
III	SÉT HỖN HỢP (m³)			2.480,12	117.439.116	
1	Tân Thới Nhì	Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	129	4.812.041	
2	Nhị Xuân	Xuân Thới Thượng		339,4	12.388.100	
CỘNG HUYỆN HÓC MÔN				468.40	17.200.141	
3	Phạm Văn Hai	Phạm Văn Hai	Bình Chánh	418,38	14.768.814	
CỘNG HUYỆN BÌNH CHÁNH				418,38	14.768.814	
4	Rạch Sài Lớn	Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	91,68	3.117.213	
5	Rạch Năm Mới			86,79	3.479.600	
6	NT Quận 1	Thạnh An		361,49	12.869.078	
				312,7	11.132.025	
				8,34	296.728	
				1,53	54.513	
7	Lý Nhơn	Lý Nhơn		462,9	34.532.004	
				15,36	1.146.000	
				24,2	1.800.000	
				7,69	574.000	
			17,88	1.334.000		
			40,8	3.050.000		
			52,97	3.952.000		
			24,62	1.837.000		
59,39	4.431.000					
25	1.865.000					
CỘNG HUYỆN CẦN GIỜ				1.593,34	85.470.161	
IV	CUỘI SỎI CÁT (m³)			538,33	24.492.864	
1	Phú Hợp	Phạm Văn Cội	Củ Chi	2,4	195.569	
				85,3	6.950.833	
				2,38	194.754	

STT	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP		Tiềm năng Dự báo
				DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BÁO	
2	Bàu Chứa	Phạm Văn Cội		12,7	460.058	
		Trung Lập Hạ		4,53	36.213	
CỘNG HUYỆN CỬ CHI				107,31	7.837.427	
3	Đông Thạnh	Đông Thạnh	Hóc Môn	300,48	15.023.837	
4	Linh Xuân	Linh Xuân	Thủ Đức	22,7	283.779	
				107,83	1.347.821	
CỘNG THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC				130,53	1.631.600	
V	CÁT XÂY DỰNG (m³)			28,79	19.804.514	
1	Sóc Trâm	An Phú	Củ Chi	3	2.170.648	
2	Đông Thạnh-Thới Tam Thôn	Trung An		3,86	6.209.094	
3	Đông Thạnh	Tân Thạnh Đông		3,86	11.085.930	
CỘNG HUYỆN CỬ CHI				10,72	19.465.672	
4	Linh Xuân	Linh Xuân	Thủ Đức	10,68	106.838	
5	Vùng 1 SĐN	Long Bình	Q.9 (Thủ Đức)	7,07	217.724	
6	Vùng 8 SSG	Thạnh Mỹ Lợi	Q.2 (Thủ Đức)	0,32	14.280	
CỘNG THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC				18,07	338.842	
VI	LATERIT SAN LẤP (m³)			1.615,98	23.611.021	Điểm khoáng sản
1	An Phú	An Nhơn Tây	Củ Chi	29,22	733.250	
2	Rạch Sơn	An Nhơn Tây		125,52	1.506.184	
		Nhuận Đức				
3	Tân Quy 1	Trung An		62,63	939.444	
4	Phước Vĩnh An	Tân Thạnh Tây		86,47	2.317.394	
				545,36	9.489.264	
5	Tân Quy 2	Trung An		736,62	8.323.806	
		Tân Thạnh Đông				
CỘNG HUYỆN CỬ CHI				1.585,82	23.309.342	
6	Đông Thạnh	Đông Thạnh	Hóc Môn	30,16	301.679	

STT	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP		Tiềm năng Dự báo	
				DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BÁO		
VII	THAN BÙN (tấn)			379,76	3.820.053	Điểm khoáng sản	
1	Cây Sộp	Nhuận Đức,PVA	Củ Chi	40,67	178.961		
2	Nhị Bình	Nhị Bình	Hóc Môn	65,36	287.584		
				4,65	20.472		
3	Láng Le 3	Lê Minh Xuân	Bình Chánh	3,83	63.195		
				3,52	58.080		
				2,77	45.705		
				0,26	4.290		
				35,38	583.770		
4	Láng Le 4			0,98	12.936		
				2,91	38.412		
5	An Nghĩa 1	An Thới Đông	Cần Giờ	75,61	998.052		
6	An Nghĩa 2			92,68	1.223.376		
7	NT Quận 1	Thanh An		31,28	172.049		
8	Gò Bàu 1			6,25	34.349		
9	Gò Bàu 2			10,88	59.847		
					2,73	38.975	
VIII	KAOLIN (tấn)					Điểm khoáng sản	
1	Phú Mỹ Hung	Phú Mỹ Hung		Củ Chi	64,85	1.538.638	
2	An Phú	An Phú			19,54	155.767	
3	Rạch Sơn 1	An Nhơn Tây	45,19		1.036.477		
4	Rạch Sơn 1	Nhuận Đức	46,45		1.065.377		
			5,13		121.561		
5	Rạch Sơn 3	An Nhơn Tây	24,39		842.834		
		Nhuận Đức					
6	Bàu Chứa	Nhuận Đức	24,38	256.721,40			
7	Tân Quy	Tân Thạnh Đông	64,85	1.514.162			
	CỘNG (VÙNG I)			294,78	6.531.537,40		
8	Linh Xuân	Linh Xuân	Thủ Đức	141,02	6.886.058,00		
	TỔNG CỘNG KAOLIN			435,8	13.417.595,40		



Phụ lục 02

BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Quyết định số 1865 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).

ST T	SỐ HIỆU KV QUY HOẠCH	TÊN MÔ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP	
					DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BÁO
I	ĐÁ XÂY DỰNG (m³)					
1	71-1-A	Long Bình 1	Long Bình	Thủ Đức (Quận 9 cũ)	16,08	10.530.326
2	71-2-A	Long Bình 2			32,41	22.690.305
3	71-3-A	Long Bình 3			13,95	9.486.583
4	71-4-A	Long Bình 4			209,47	152.916.712
	CỘNG (VÙNG III)				271,91	195.623.926
5	162-5-A	NT Quận 1	Thạnh An	Cần Giờ	6,72	134.420
	TỔNG CỘNG ĐÁ XÂY DỰNG				278,63	195.758.346
II	SÉT GẠCH NGÓI (m³)					
1	5-1-A	Sóc Trầm (Đồng Ông Cờ)	An Phú	Củ Chi	72,35	2.749.460
2	11-1-A	Rạch Sơn	An Nhơn Tây		37,40	1.122.189
3	11-2-A		Nhuận Đức		35,50	1.065.018
4	11-3-A		5,13		153.956	
5	13-1-A	Rạch Sơn-Bàu Trăn	An Nhơn Tây		125,50	1.255.093
6	13-3-A		Nhuận Đức		125,50	3.765.000
7	17-A.1	Phú Hợp-Bàu Cạp (Trại giống cây trồng Đông Tiến 2)	Phạm Văn Cội		2,40	112.800
8	17-A.2				85,31	4.009.100
9	17-A.3				2,39	112.330
10	19-1-A	Bàu Điều	Trung Lập Hạ-Phước Thạnh		84,13	5.468.450
11	24-1-A	Tân Quy 1	Tân Thạnh Đông		33,24	797.760
12	30-1-A	Thái Mỹ 1	Thái Mỹ		418,45	7.824.997
13	31-2-A	Thái Mỹ 2			246,15	1.920.013
14	38-3-A	Tân Quy 2	Trung An		296,25	7.110.121
15	38-6-A		Tân Thạnh Đông		503,86	24.689.140
	CỘNG (1)				2.073,56	62.155.427
16	45-3-A	Nhị Bình	Nhị Bình	Hóc Môn	394,06	11.822.077

ST T	SỐ HIỆU KV QUY HOẠCH	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP	
					DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BÁO
17	53-3-A	Đông Thạnh	Tân Hiệp		181,01	7.204.254
18	56-1-A	Tân Thới Nhi	Tân Thới Nhi		24,07	132.384
19	56-2-A			52,39	523.931	
20	68-3-A			131,69	1.316.971	
21	75-6-A	Tân Hiệp	Tân Thới Hiệp		149,82	1.273.470
CỘNG (2)					933,04	22.273.087
CỘNG (VÙNG I)					3.006,60	84.428.514
22	127-1-A	Vĩnh Lộc	Vĩnh Lộc	Bình Chánh	45,65	629.970
23	127-2-A				220,13	8.585.070
24	127-3-A				294,95	14.157.600
25	136-1-A.1	Láng Le 1	Bình Lợi		10,96	197.280
26	136-1-A.2				10,71	192.780
27	136-1-A.3				10,75	193.500
28	136-1-A.4				10,84	195.120
29	136-1-A.5				10,81	194.580
30	136-1-A.6				10,95	197.100
31	136-1-A.7				11,10	199.800
32	136-1-A.8				3,68	66.240
33	136-2-A.1	Láng Le 2	Bình Lợi		53,98	863.680
34	136-2-A.2				1,38	22.080
35	136-2-A.3				1,09	17.440
36	142-1-A.1	Tân Túc 1	Tân Túc		22,69	422.034
37	142-1-A.2				103,96	1.933.656
38	144-1-A.1	Bình Giáp 1	Hưng Long		10,67	213.400
39	144-1-A.2				3,03	60.600
40	144-1-A.3				2,31	46.200
41	144-1-A.4				6,38	127.600
42	144-1-A.5				2,17	43.400
43	144-1-A.6				4,54	90.800
44	144-1-A.7				8,89	177.800
45	144-1-A.8				26,18	523.600
46	147-2-A				38,21	917.040
47	153-2-A.1	Bình Giáp 2	Quy Đức		58,06	870.900
48	153-2-A.2				2,63	39.450

ST T	SỐ HIỆU KV QUY HOẠCH	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP		
					DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BÁO	
49	153-2-A.3				0,52	7.800	
CỘNG (VÙNG II)					987,22	31.186.520	
50	91-5-A	Linh Xuân	Linh Xuân	Thủ Đức	119,24	2.623.308	
TỔNG CỘNG SÉT GẠCH NGÓI					4.113,06	118.238.342	
III	SÉT HỖN HỢP (m³)						
1	77-4-A	Tân Thới Nhì	Xuân Thới Sơn	Hóc Môn	129,00	4.812.041	
2	102-1-A	Nhị Xuân	Xuân Thới Thượng		339,40	12.388.100	
CỘNG (VÙNG I)					468.40	17.200.141	
3	121-1-A	Phạm Văn Hai	Phạm Văn Hai	Bình Chánh	418,38	14.768.814	
CỘNG (VÙNG III)					418,38	14.768.814	
4	152-1-A	Rạch Sỏi Lớn	Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	91,68	3.117.213	
5	155-1-A	Rạch Năm Mới			86,79	3.479.600	
6	164-3-A	NT Quận 1	Thanh An		361,49	12.869.078	
7	165-4-A.1				312,70	11.132.025	
8	165-4-A.2				8,34	296.728	
9	165-4-A.3				1,53	54.513	
10	166-1-A	Lý Nhơn	Lý Nhơn		462,90	34.532.004	
11	166-1-A.1	Lý Nhơn	Lý Nhơn		Cần Giờ	15,36	1.146.000
12	166-1-A.2					24,20	1.800.000
13	166-1-A.3			7,69		574.000	
14	166-1-A.4			17,88		1.334.000	
15	166-1-A.5	Lý Nhơn	Lý Nhơn	Cần Giờ	40,8	3.050.000	
16	166-1-A.6				52,97	3.952.000	
17	166-1-A.7				24,62	1.837.000	
18	166-1-A.8				59,39	4.431.000	
19	166-1-A.9				25,00	1.865.000	
CỘNG (VÙNG IV)					1.593,34	85.470.161	
TỔNG CỘNG SÉT HỖN HỢP					2.480,12	117.439.116	
IV	CUỘI SỎI CÁT (m³)						
1	17-2-A.1	Phú Hợp	Phạm Văn Cội	Củ Chi	2,40	195.569	
2	17-2-A.2				85,30	6.950.833	
3	17-2-A.3				2,38	194.754	

ST T	SỐ HIỆU KV QUY HOẠCH	TÊN MỎ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP		
					DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BẢO	
4	20-2-A	Bàu Chứa	Phạm Văn Cội		12,70	460.058	
5	20-3-A		Trung Lập Hạ		4,53	36.213	
CỘNG					107,31	7.837.427	
6	48-3-A	Đông Thạnh	Đông Thạnh	Hóc Môn	300,48	15.023.837	
CỘNG (VÙNG I)					407,79	22.861.264	
7	70-1-A	Linh Xuân	Linh Xuân	Thủ Đức	22,70	283.779	
8	91-4-A				107,83	1.347.821	
CỘNG (VÙNG III)					130,53	1.631.600	
TỔNG CỘNG					538,33	24.492.864	
V	CÁT XÂY DỰNG (m³)						
1	2-2-A	Soc Trầm	An Phú	Củ Chi	3,00	2.170.648	
2	53-4-A	Đông Thạnh-Thới Tam Thôn	Trung An-Tân Thạnh Đông		3,86	6.209.094	
3	48-2-A	Đông Thạnh			3,86	11.085.930	
CỘNG (VÙNG I)					10,72	19.465.672	
4	88-3-A	Linh Xuân	Linh Xuân	Thủ Đức	10,68	106.838	
5	59-1-A	Vùng 1 SĐN	Long Bình	Thủ Đức (Q.9)	7,07	217.724	
6	138-1-A	Vùng 8 SSG	Thạnh Mỹ Lợi	Thủ Đức (Q.2)	0,32	14.280	
CỘNG (VÙNG III)					18,07	338.842	
TỔNG CỘNG CÁT XÂY DỰNG					28,79	19.804.514	
VI	LATERIT SAN LẤP (m³)						
1	8-2-A	An Phú	An Nhơn Tây	Củ Chi	29,22	733.250	
2	13-2-A	Rạch Sơn	An Nhơn Tây Nhuận Đức		125,52	1.506.184	
3	26-2-A	Tân Quy 1	Trung An		62,63	939.444	
4	29-1-A	Phước Vĩnh An	Tân Thạnh Tây		86,47	2.317.394	
5	33-2-A				545,36	9.489.264	
6	38-5-A	Tân Quy 2	Trung An Tân Thạnh Đông		736,62	8.323.806	
CỘNG (VÙNG I)					1.585,82	23.309.342	
7	49-5-A	Đông Thạnh	Đông Thạnh	Hóc Môn	30,16	301.679	
TỔNG CỘNG LATERIT SAN LẤP					1.615,98	23.611.021	
VII	THAN BÙN (tấn)						

ST T	SỐ HIỆU KV QUY HOẠCH	TÊN MÔ KHOÁNG SẢN	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, QUẬN	THÔNG SỐ QUY HOẠCH TD-KT CÔNG NGHIỆP	
					DIỆN TÍCH (ha)	TÀI NGUYÊN DỰ BẢO
1	23-1-A	Cây Sộp	Nhuận Đức,PVA	Cù Chi	40,67	178.961
2	46-1-A	Nhị Bình	Nhị Bình	Hóc Môn	65,36	287.584
3	46-2-A				4,65	20.472
CỘNG (VÙNG I)					110,68	487.017
4	139-3-A.1	Láng Le 3	Lê Minh Xuân	Bình chánh	3,83	63.195
5	139-3-A.2				3,52	58.080
6	139-3-A.3				2,77	45.705
7	139-3-A.4				0,26	4.290
8	139-4-A	Láng Le 4			35,38	583.770
CỘNG (VÙNG II)					45,76	755.040
9	159-1-A.1	An Nghĩa 1	An Thới Đông	Cần Giờ	0,98	12.936
10	159-1-A.2				2,91	38.412
11	159-1-A.3				75,61	998.052
12	159-2-A	An Nghĩa 2			92,68	1.223.376
13	164-1-A	NT Quận 1	Thanh An		31,28	172.049
14	164-2-A				6,25	34.349
15	171-1-A	Gò Bàu 1			10,88	59.847
16	171-2-A	Gò Bàu 2			2,73	38.975
CỘNG (VÙNG IV)					223,32	2.577.996
TỔNG CỘNG THAN BÙN					379,76	3.820.053
VII KAOLIN (tấn)						
1	4-1-A	Phú Mỹ Hưng	Phú Mỹ Hưng	Cù Chi	64,85	1.538.638
2	7-1-A	An Phú	An Phú		19,54	155.767
3	10-1-A	Rạch Sơn 1	An Nhơn Tây		45,19	1.036.477
4	10-2-A	Rạch Sơn 1	Nhuận Đức		46,45	1.065.377
5	10-3-A				5,13	121.561
6	12-4-A	Rạch Sơn 3	An Nhơn Tây Nhuận Đức		24,39	842.834
7	18-1-A	Bàu Chứa	Nhuận Đức		24,38	256.721,40
8	38-7-A	Tân Quy	Tân Thạnh Đông		64,85	1.514.162
CỘNG (VÙNG I)					294,78	6.531.537,40
9	66-2-A	Linh Xuân	Linh Xuân	Thủ Đức	141,02	6.886.058,00
TỔNG CỘNG KAOLIN					435,80	13.417.595,40

